

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

ĐỀ 9

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Số liền sau của 78 999 là:

- A. 78 901 B. 78 991 C. 79 000 D. 78 100

Phương pháp

Số liền sau của một số thì lớn hơn số đó 1 đơn vị.

Cách giải

Số liền sau của 78 999 là: 79 000

Đáp án: C

Câu 2: 5 kg 12 g = g. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

- A. 512 B. 5 120 C. 50 012 D. 5 012

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: 1 kg = 1 000 g

Cách giải

5 kg 12 g = 5 000 g + 12 g = 5 012 g

Đáp án: D

Câu 3: Giá trị của biểu thức $2342 + 403 \times 6$ là:

- A. 4660 B. 4960 C. 4860 D. 4760

Phương pháp

Với biểu thức có chứa phép tính cộng, trừ, nhân, chia, ta thực hiện phép tính nhân, chia trước, thực hiện phép tính cộng, trừ sau.

Cách giải

$2342 + 403 \times 6 = 2342 + 2418 = 4760$

Đáp án: D

Câu 4: Tìm x biết $x : 4 = 1020$ (dư 3)

- A. 4 083 B. 4 038 C. 4 080 D. 4 008

Phương pháp

Số bị chia = thương $\times$ số chia + số dư

Cách giải

$x : 4 = 1020$ (dư 3)

$x = 1020 \times 4 + 3$

$$x = 4083$$

Đáp án: A

Câu 5: Một hình vuông có chu vi 32 cm. Vậy diện tích hình vuông đó là:

- A. 36 cm^2 B. 64 cm^2 C. 49 cm^2 D. 128 cm^2

Phương pháp

Bước 1. Tìm độ dài cạnh hình vuông

Bước 2: Diện tích hình vuông = cạnh x cạnh

Cách giải

Độ dài cạnh hình vuông là $32 : 4 = 8 \text{ (cm)}$

Diện tích hình vuông đó là: $8 \times 8 = 64 \text{ (cm}^2\text{)}$

Đáp án: B

Câu 6: Tuấn và Mai cùng nhau đi mua đồ, biết hai bạn mua một hộp bánh hết 45 000 đồng và mua một gói kẹo hết 18 000 đồng. Mai đưa cho người bán hàng tờ 100 000 đồng. Hỏi người bán hàng cần trả lại bao nhiêu tiền?

- A. 37 000 đồng B. 63 000 đồng C. 47 000 đồng D. 53 000 đồng

Phương pháp

Bước 1. Tìm giá tiền của hộp bánh và gói kẹo

Bước 2: Tìm số tiền người bán cần trả lại

Cách giải

Giá tiền của hộp bánh và gói kẹo là: $45\,000 + 18\,000 = 63\,000 \text{ (đồng)}$

Người bán hàng cần trả lại số tiền là: $100\,000 - 63\,000 = 37\,000 \text{ (đồng)}$

Đáp án: A

II. TỰ LUẬN

Câu 1: Đặt tính rồi tính:

$$16\,427 + 8\,109$$

$$93\,680 - 72\,451$$

$$7\,024 \times 5$$

$$21\,847 : 7$$

Phương pháp

- Đặt tính

- Với phép cộng, trừ, nhân: Thực hiện lần lượt từ phải sang trái; Với phép chia thực hiện từ trái sang phải

Cách giải

$$\begin{array}{r} 16427 \\ + 8109 \\ \hline 24536 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 93680 \\ - 72451 \\ \hline 21229 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 7024 \\ \times 5 \\ \hline 35120 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 21847 \overline{) 7} \\ 08 \overline{) 3121} \\ 14 \\ 07 \\ 0 \end{array}$$

Câu 2: Tìm x biết:

a) $15\,490 - x = 6\,948$

b) $1200 - x \times 3 = 24$

Phương pháp

Muốn tìm số trừ, ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu

Cách giải

a) $15\,490 - x = 6\,948$

$$x = 15\,490 - 6\,948$$

$$x = 8\,542$$

b) $1200 - x \times 3 = 24$

$$x \times 3 = 1200 - 24$$

$$x \times 3 = 1176$$

$$x = 1176 : 3$$

$$x = 392$$

Câu 3: Một trang trại có 5 091 con vịt, số con gà bằng số con vịt giảm đi 3 lần. Hỏi trang trại đó có tất cả bao nhiêu con gà và vịt?

Phương pháp

Bước 1. Tìm số con gà = số con vịt : 3

Bước 2. Tìm tổng số con vịt và gà

Cách giải

Trang trại có số con gà là:

$$5\,091 : 3 = 1\,697 \text{ (con)}$$

Trang trại đó có tất cả số con gà và vịt là:

$$5\,091 + 1\,697 = 6\,788 \text{ (con)}$$

Đáp số: 6 788 con

Câu 4: Cho chu vi hình chữ nhật bằng 50 cm. Tính diện tích hình chữ nhật đó, biết chiều dài bằng 15 cm.

Phương pháp

Bước 1. Chiều rộng = Chu vi : 2 – chiều dài

Bước 2. Diện tích hình chữ nhật = chiều dài x chiều rộng

Cách giải

Chiều rộng hình chữ nhật đó là:

$$50 : 2 - 15 = 10 \text{ (cm)}$$

Diện tích hình chữ nhật là:

$$15 \times 10 = 150 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Đáp số: 150 cm²